

Cải lương hương chính ở Nam Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945

Trần Thị Phương Hoa*

Nhận ngày 4 tháng 2 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Tóm tắt: Nội dung bài viết tập trung làm rõ quá trình cải lương hương chính, tức là quá trình xây dựng hệ thống hành chính phục vụ quản lý làng xã Nam Kỳ qua các Nghị định ban hành năm 1904, 1927, 1944. Theo Nghị định năm 1904, hệ thống này được quy định với 11 vị trí gồm hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương quản, hương bộ, hương thân, xã trưởng, hương hào. Nghị định năm 1927 bổ sung thêm chánh lục bộ, tăng số thành viên của hương hội lên 12. Nghị định năm 1944 ưu tiên những người có trình độ học vấn tân học, theo đó, những người có bằng cao đẳng tiểu học Pháp - Việt được xem xét bầu vào hội đồng. Quá trình xây dựng hệ thống hành chính cấp làng xã ở Nam Kỳ và một số thay đổi về chức năng nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu của nó từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 cũng được làm rõ thông qua các quy định về bầu cử tuyển chọn hội đồng.

Từ khóa: Nam Kỳ, cải lương hương chính, hội đồng kỳ mục, làng xã.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The article focuses on clarifying the process of reforming the administration of villages, that is, the process of building an administrative system to serve the management of communes in Cochinchina through Decrees issued in 1904, 1927, and 1944. Under the Decree 1904, this system was regulated with 11 positions including *hương cả*, *hương chủ*, *hương sư*, *hương trưởng*, *hương chánh*, *hương giáo*, *hương quản*, *hương bộ*, *hương thân*, *xã trưởng*, *hương hào*. The 1927 Decree added *chánh lục bộ* (the chief lieutenant), increasing the number of members of the village association to 12. The 1944 Decree gave priority to those having modern education, accordingly those with a French-Vietnamese primary certificate were considered for election to the council. The process of building the administrative system at the village level in Cochinchina and some changes in its functions, duties, powers, and structure from the beginning of the 20th century to 1945 were also clarified through the regulations on election to appoint a council.

Keywords: Cochinchina, the administrative reform, the council of the elders, village.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Có một số nghiên cứu đi trước đã tìm hiểu về quá trình cải lương hương chính, tập trung chủ yếu ở Bắc Kỳ (Đào Phương Chi, 2013; Nguyễn Thị Lệ Hà, 2019). Liên quan đến vấn đề này ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp, tác giả Ngô Văn Hoà đã công bố bài viết về tổ chức quản lý xã thôn Nam Kỳ thời Pháp thuộc trên tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 1983 (Ngô Văn Hoà, 1983). Trong hệ đề tài về Vùng đất Nam Bộ do GS. Phan Huy Lê tổng chủ biên có Tập V: *Từ năm 1859 đến năm 1945*, do Đoàn Minh Huân và Nguyễn Ngọc Hà đồng chủ biên, Tập VIII: *Thiết chế quản lý xã hội*, do Vũ Văn Quân chủ biên, có đề cập đến tổ chức quản lý làng xã Nam Bộ thời kỳ Pháp thuộc (Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà, 2017). Nghiên cứu của Dương Văn Triêm và Hồ Thị Thanh được công bố trên trang web của Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương đã tìm hiểu về các cuộc “cải lương hương chính” ở Nam Kỳ (Dương Văn Triêm, Hồ Thị Thanh, 2022). Đặc biệt, ngay từ năm 1935, Kresser đã công bố Luận án tiến sĩ bảo vệ ở Pháp về quản lý làng xã Nam Kỳ (Kresser, 1935).

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranphhoa@yahoo.com

Bên cạnh việc tham khảo các công trình đi trước, bài viết của tôi dựa vào việc khảo sát kỹ văn bản của các nghị định cải cách (năm 1904, 1927, 1944), hồ sơ lưu trữ (chủ yếu là phong Thống đốc Nam Kỳ lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II) nhằm làm rõ hơn vai trò và đặc điểm của bộ máy quản lý làng xã Nam Kỳ.

2. Vài nét về quản lý làng xã Nam Kỳ trước cải lương năm 1904

Làng xã Nam Kỳ có lịch sử mới hơn nhiều so với ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Trong khi ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, hội đồng kỳ mục là hội đồng của những người có uy tín nhất làng xã bao gồm những vị già lão (lão niên), người có danh vị (quan lại về hưu) hoặc có học vị, bằng cấp (học vị trong hệ thống Nho học hoặc học vị trong hệ thống Pháp và Pháp - Việt); ở Nam Kỳ, những người uy tín trong làng xã trước hết là những người có điền sản. Điều này gắn liền với lịch sử khẩn hoang của Nam Kỳ, vì những người có điền sản mới có điều kiện cung cấp tiền và công cụ cho các cư dân mới khai hoang, lập ấp. Những làng mới lập thường cấu thành từ một vài gia đình hoặc người có họ hàng với nhau. Trong số này, người ta chọn ra một người làm xã trưởng, thường thì chính người sáng lập làng sẽ đảm nhiệm luôn trách nhiệm quản lý làng. Sau các thử thách trong việc quản lý làng xã như thu nộp thuế, liên hệ với chính quyền cấp trên, tiếp tục mở rộng đất đai, xã trưởng trở thành người có uy tín và trở thành kỳ mục. Hương hội còn được gọi là Hội đồng kỳ mục, ở Nam Kỳ gọi là Hội tề. Ban đầu, số lượng kỳ mục ở các làng Nam Kỳ rất ít hoặc gần như không có vì tất cả đều là “dân đinh”. Khi làng được mở rộng, dân số đông lên, đất đai canh tác mở mang phát triển, số lượng các dịch vụ và hương chức tăng lên (Ngô Văn Hoà, 1983).

Triều Nguyễn đã định cách thức làm sổ đinh. Thôn trưởng phải khai đủ và đúng các hạng người trong làng xã, nếu ẩn giấu sẽ bị tội. Ngoài ra, thôn trưởng còn chịu trách nhiệm quản lý các loại sổ kê khai về ruộng đất (địa bộ), thuế ruộng đất (điền bộ), thuế thuyền bè (thuyền bộ), thuế trâu bò (ngưu bộ), hương chức (viên chức bộ), ... và các sổ kê khai cụ thể từng khoản thu chi của làng xã mỗi năm. Ở cuối mỗi bản kê khai, Thôn trưởng đều phải ghi họ tên của mình và đóng dấu (triện) lên trên phần tên đã ký.

Cho đến cuối thế kỷ XVIII, bộ máy cai quản làng xã người Kinh ở Nam Bộ là một ban hương chức gồm: trùm cả: người đứng đầu làng; trùm chủ: người đứng thứ nhì; trùm nghị: người tham gia đóng góp ý kiến; xã trưởng: người giữ dấu (triện) và thu thuế; thủ khoán: người giữ quỹ và tài sản của làng; câu đương: người hoà giải các vụ xích mích, thưa kiện nhỏ trong làng; tri châu: người phụ trách việc thu thuế (Vũ Văn Quân, 2021).

Khi Pháp xâm lược và đặt bộ máy cai trị lên Nam Kỳ, tổ chức làng xã truyền thống không thay đổi (Kresser, 1935: 16). Các xã/thôn (người dân Nam Kỳ gọi còn xã/thôn là “xóm”, “lý” hoặc “ấp” tùy theo độ lớn) vẫn được quản lý bởi một Hội đồng kỳ mục, được chọn từ những người có ảnh hưởng và giàu có nhất. Theo sách của Trương Vĩnh Ký năm 1875, bộ máy quản lý làng xã Nam Kỳ khi đó gồm xã trưởng hay thôn trưởng, và một hội đồng tư vấn, hỗ trợ gọi là Hội đồng kỳ mục, gồm hương thân, hương hào, ông cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương văn, hương lễ, hương nhứt, hương nhì, phó xã, thủ bộ, thủ khoán, cai tuần, biện lại, trùm và trưởng (Trương Vĩnh Ký, 1875). Nhà nghiên cứu Hickey đã phỏng vấn những người già trong làng Khánh Hậu, Long An, và được họ cho biết rằng, trước năm 1904, làng này có hai “hội đồng”: một hội đồng lo việc tế lễ trong đình làng, là hội đồng gồm các vị có uy tín và được dân làng trọng vọng; bao gồm cả những người lo việc hành chính trong làng. Hội đồng lo việc tế lễ gồm có tiền bái, chánh bái, bồi bái, phó bái, chánh tế, hương quản, hương cả, hương lễ (hoặc thầy lễ), Cả trưởng; những người lo việc hành chính gồm: chánh chủ tịch, xã trưởng hoặc tài chánh, cảnh sát. Hội đồng thứ hai là Hội đồng kỳ mục, gồm có: chủ trương, giáo sư, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, phó hương quản, hương bộ, hương thân, hương nghị, hương luận, hương nhứt, hương nhì, hương huấn, hương hào, hương hộ, phó lục bộ, thủ bộ, thu bốn (Gerald Hickey, 1964: 215).

Theo nghiên cứu của Hickey, làng Khánh Hậu có 2 ngôi đình (do sáp nhập 2 làng trước đó với nhau), do đó, làng có hai hội tế và họ phối hợp với nhau khá tốt để tiến hành các buổi lễ đúng nghi

thức. Lễ tế quan trọng nhất là dành cho Thành hoàng làng. Chủ trì buổi lễ là hội đồng gồm 5 vị tiền bái, chánh bái, bồi bái, phó bái, chánh tế. Những vị còn lại không có chức năng cụ thể, tùy theo từng trường hợp có thể xuất hiện ở những trách nhiệm khác nhau. Sau khi Nghị định 1904 ra đời, Hội tế của làng (Hội đồng kỳ mục mới được thành lập theo quy định 1904) không có vai trò gì trong hoạt động của các hội tế, đặc biệt trong Hội đồng thuộc Ấp đình A (đình nằm trong ấp này). Thời gian sau đó, thành viên của hội đồng kỳ mục mới dần có vai trò trong việc tế lễ, được hưởng ngân sách của làng liên quan đến hoạt động tế lễ.

3. Cải lương hương chính năm 1904

Cho đến năm 1903, chính quyền Pháp vẫn không kiểm soát được bộ máy quản lý làng xã Nam Kỳ, theo nhận định của Toàn quyền Paul Beau tại phiên họp thường kỳ Hội đồng Tối cao Đông Dương (Conseil Supérieur de l'Indochine) ngày 28/8/1903: “Hệ thống quản trị đã thịnh hành ở Nam Kỳ trong một thời gian dài, chỉ có ông cai Tổng và Hội đồng kỳ mục. Kể như thế cũng đủ nếu chúng ta mặc kệ làng xã tự hoạt động. Nhưng những vị trí này gần như không hoạt động. Các kỳ mục không có uy tín, quyền hành... Trong khi đó, công việc và nhiệm vụ của họ ngày càng nặng nề. Ngày nay, các chức dịch được coi là kẻ thừa hành. Cần phải thay thế một tổ chức quản lý làng xã chính thức... nếu không chúng ta sẽ không có thẩm quyền gì với họ” (Kresser, 1935: 29). Trước đó, tại phiên họp thường kỳ ngày 18/7/1903 của Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ, Thống đốc Rodier nhấn mạnh đến tình trạng vô tổ chức của Hội đồng kỳ mục làng xã: “Nam Kỳ là một thuộc địa giàu có, đẹp, thịnh vượng hơn hết thảy. Tuy nhiên, làng xã An Nam đang tan rã, thể chế quý giá này bị đe dọa” (Cochinchine française, 1903: 3). Chính quyền thực dân đã đặt Nam Kỳ dưới sự quản lý trực tiếp và đồng hóa (trực trị), nhưng cho đến năm 1903, thể chế làng xã cổ điển vẫn tồn tại. Các viên tham biện cho rằng khó khăn lớn nhất chính là tuyển dụng các kỳ mục làng xã..., bởi vì “họ [kỳ mục làng xã] trốn tránh nhiệm vụ của mình như một sự trốn tránh” (Cochinchine française, 1903: 3).

Các viên tham biện tỉnh ở Nam Kỳ đã chỉ ra những thách thức ngày càng gia tăng trong việc bổ nhiệm hội đồng kỳ mục và hương dịch; kỳ mục (grands notables) không quan tâm đến công việc làm xã; các dịch mục (petits notables) như các hương thân, hương hào tìm cách trốn tránh nhiệm vụ ngày càng nặng nề như thu thuế, xác nhận để cấp thẻ thuế thân, xác nhận bằng khoán đất đai... trong khi các quyền lợi cho họ không rõ ràng.

Hội đồng quản hạt Nam Kỳ đã nhất trí rằng cần phải củng cố Hội đồng kỳ mục, trao cho Hội đồng những chức năng kiểm soát nhất định; giúp họ nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ trong việc quản lý làng xã, đồng thời, liên hệ chặt chẽ với chính quyền tỉnh (đứng đầu là các tham biện người Pháp) và cao hơn là chính quyền Nam Kỳ (đứng đầu là Thống đốc)¹, ngày 16 tháng 8 năm 1903, Toàn quyền ra Nghị định về việc thành lập một Ủy ban (commission), do Thanh tra Dân vụ chủ trì, hai Ủy viên Hội đồng Thuộc địa (một người Pháp, một người An Nam), một Tham biện hạng nhất làm ủy viên, để nghiên cứu và đưa ra giải pháp cho việc tổ chức quản lý làng xã An Nam ở Nam Kỳ (Kresser, 1935: 34).

¹ Khác với Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ, có hai hệ thống chính quyền song song là hệ thống chính quyền của Pháp (đứng đầu xứ là thủ hiến người Pháp và đầu tỉnh là các công sứ) và hệ thống chính quyền do Nam triều quản lý (đứng đầu tỉnh là tổng đốc/án sát; đứng đầu phủ/huyện là tri phủ/tri huyện; dưới nữa là tổng đứng đầu là chánh tổng và làng xã (hội đồng kỳ mục); ở Nam Kỳ không có quản lý ở cấp huyện. Ở Nam Kỳ có chức vụ *phủ*, *huyện*, *đốc phủ sứ*, nhưng đó chỉ là những danh xưng theo cách gọi được quy định trong quan chế thời kỳ phong kiến quân chủ Việt Nam. Dưới thời Pháp, những chức vụ này được đặt ra nhằm hỗ trợ cho chính quyền thực dân, chứ không thực sự nắm quyền điều hành các thể chế hành chính cấp phủ, huyện. Ban đầu, chính quyền Pháp ban chức này cho những người Việt có công đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ chống lại sự đô hộ thực dân. Kể từ thập niên thứ hai thế kỷ XX, chính quyền Pháp đặt ra hành chính cấp quận (delegation administrative) ở Nam Kỳ. Việc hình thành các quận diễn ra lẻ tẻ. Có nhiều tỉnh không có quận. Đến năm 1944, tất cả 21 tỉnh của Nam Kỳ đều đã có quận. Xem thêm Phan Văn Thiết, 1944, *Quận, Tổng, Làng*, tác giả xuất bản và giữ bản quyền.

Sau một năm bàn bạc, trao đổi về từng điều khoản quy định về từng chức danh, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng kỳ mục, được Hội đồng Tư mật Nam Kỳ (Conseil Privé)² thông qua, Ủy ban về cải cách làng xã đã hoàn tất Nghị định và được Toàn quyền Paul Beau thông qua ngày 27/8/1904. Nội dung của Nghị định này đã được ông Ernest Outrey, tham biện hạng I thuộc Sở chánh vụ dịch ra quốc ngữ và công bố trong sách *Tân thư tổng lý quy điều* xuất bản năm 1905 (Ernest Outrey, 1905).

Theo Kresser, người đã nghiên cứu rất kỹ về làng xã người Việt ở Nam Kỳ cho rằng Nghị định năm 1904 là một hiến chương thực sự của làng xã An Nam, lấy cảm hứng từ những thực dân Pháp đầu tiên như Luro và những người khác đã cố gắng hiểu và đề ra những luật định cho mảnh đất này.

Nghị định gồm 5 phần (titre), 31 điều (article) với những quy định sau: 1) Thành phần Hội đồng kỳ mục (Composition du conseil des notables), thứ bậc các chức vụ trong Hội đồng; phương thức lựa chọn; khen thưởng; 2) Chức năng và trách nhiệm của các kỳ mục - Quan hệ với các cơ quan; 3) Quyền lực của Hội đồng - treo chức và cách chức các kỳ mục; 4) Nghĩa vụ của Hội đồng đối với tài sản làng xã - thủ tục tố tụng cho phép các làng kiện ra toà; 5) Chi phí đi lại và trợ cấp cho thành viên Hội đồng (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2017: 35-44).

Theo khảo sát của Hickey, theo Nghị định năm 1904, thành viên Hội đồng kỳ mục có thể vẫn giữ nguyên tên gọi nhưng thay đổi chức năng; bên cạnh đó, một số danh vị bị loại khỏi Hội đồng kỳ mục mới (Bảng 1),

Bảng 1: Thay đổi tên gọi và chức năng thành viên hội đồng kỳ mục trước và sau Nghị định 27/8/1904

Tên gọi và chức năng của thành viên Hội đồng kỳ mục trước năm 1904	Tên gọi và chức năng của thành viên Hội đồng kỳ mục theo Nghị định 1904
hương cả: là người được trọng vọng nhất, theo tuổi tác thu chi: Thủ kho lưu trữ hương chủ: Cố vấn chính thức hương sư: Trung gian trao đổi giữa làng xã và chính quyền trung ương hương lạc: Cố vấn hội đồng hương trưởng: Tư vấn về việc thực hiện các chỉ đạo từ cơ quan cao hơn hương chánh: cố vấn câu đưng: tư pháp hương quản: Cảnh sát trưởng thủ bộ: Thủ quỹ hương thân: Quản lý tổng thể xã trưởng: trung gian giữa Hội đồng kỳ mục và chính quyền hương hào: hành chính tổng hợp hương nhứt: kỳ mục	hương cả: là người được trọng vọng, đứng đầu Hội đồng kỳ mục; nắm giữ tài sản của làng hương chủ: Phó chủ tịch Hội đồng kỳ mục, giám sát hoạt động trong làng và báo cáo cho Hương cả hương sư: hướng dẫn về luật lệ và quy định hương trưởng: Cố vấn về sử dụng ngân sách làng xã và trợ lý cho giáo làng hương chánh: Trọng tài của những xung đột nhỏ trong dân làng hương giáo: hướng dẫn cho các kỳ mục trẻ; là thư ký Hội đồng hương quản: là cảnh sát làng xã, giám sát việc giao thông vận tải và thông tin liên lạc thủ bộ: trông coi giấy tờ thu thuế, ngân quỹ hương thân: Trung gian giữa hoạt động tư pháp, hành chính với Hội đồng xã trưởng: kỳ mục; trung gian giữa chính

² Hội đồng Tư mật (Conseil Privé) hay còn gọi là Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ, đứng đầu là Thống đốc Nam Kỳ, có chức năng thảo luận, tư vấn, góp ý, giúp Thống đốc Nam Kỳ giải quyết các vấn đề khác nhau, trong đó có việc soạn thảo và thông qua các văn bản pháp lý.

hương nghi: kỳ mục hương lễ: chủ các buổi lễ và tế hương nhạc: phụ trách ban nhạc hương âm: tổ chức các buổi tiệc hương văn: Người soạn văn tế Thành Hoàng làng thủ khoán: người trông coi ruộng lúa của làng cai đình: người trông coi đình làng	quyền và Hội đồng; thu thuế hương hào: kỳ mục thực thi các nhiệm vụ cần thiết
---	--

Nguồn: Hickey, 1964: 180

4. Cải lương hương chính năm 1927

Sau một vài năm áp dụng, nghị định năm 1904 bị chỉ trích mạnh mẽ. Năm 1916, Thống đốc Nam Kỳ đã gửi tham biện các tỉnh một thông tư liên quan đến “các biện pháp nhằm kích thích sự sốt sắng của các kỳ mục”. Thông tư bắt đầu như sau: “Trong khi chờ đợi các tỉnh cho ý kiến về việc sửa đổi Nghị định 27/8/1904 liên quan đến trách nhiệm Hội đồng kỳ mục Nam Kỳ, tôi nghĩ về việc trao cho họ một số quyền, có tính hợp pháp, đồng thời thỏa mãn truyền thống, kích thích lòng nhiệt thành của họ và khuyến khích họ giữ lại hoặc tìm kiếm các vị trí mà người ta đã nói nhiều lần rằng các kỳ mục hiện đang từ chối làm việc ngày càng nhiều” (Kresser, 1935: 62). Chính quyền nhận thấy rằng các gia đình giàu có và trí thức không quan tâm đến cộng đồng của họ. Tình trạng đáng tiếc này phần nhiều là do nghị định năm 1904 đã đặt ra quá nhiều trách nhiệm cho hội đồng kỳ mục và trao cho họ ít quyền và quyền lợi. Chính quyền Pháp nhận thấy rằng chính sửa thiết chế xã hội, đặc biệt là thay đổi các cơ quan làng xã của người An Nam bằng nghị định năm 1904, là không phù hợp với tình hình ở vùng nông thôn, vốn có những tập tục từ rất lâu đời, trong đó có quyền trừng phạt người vi phạm.

Vào thời điểm quân đội Pháp xâm chiếm Nam Kỳ, các “hương chức” có thẩm quyền lớn trong làng, trong đó có các quyền ưu tiên và quyền trừng phạt những người phạm tội. Mọi hương chức đều có vị trí danh dự trong các nghi lễ ở đình, trong các lễ hội và được hưởng lợi từ những vị trí danh dự đó. Các kỳ mục được kính trọng thường là quan lại đã nghỉ hưu nhận chức “hương trưởng”. Các kỳ mục được hưởng quyền tự do hành động, quyền lực tư pháp và hành chính trong ngôi làng của họ. Họ gần như không có sự kiểm soát của các cơ quan quản lý từ trung ương bởi vì “Phép vua thua lệ làng”.

Chính quyền Pháp tìm cách kiểm soát hoạt động của làng xã. Việc quy định về lập hộ tịch (etat civil), địa chính đất đai, quy chế chi tiêu ngân sách làng xã (sổ thu chi) gây khó khăn hơn trong việc che giấu người nộp thuế và thuế đất. Hội đồng kỳ mục phải thực hiện các quy định về khai báo đăng ký hộ tịch bản xứ, phải lưu giữ toàn bộ hồ sơ về sinh đẻ, hôn thú và tử vong của tất cả người bản xứ và người châu Á có tên trong sổ bộ của làng xã. Mỗi tháng, Chánh lục bộ (người giữ đăng ký hộ tịch của thôn) phải gửi cơ quan tư pháp một bản sao có chữ ký của anh ta và được chứng thực bởi hai kỳ mục khác hồ sơ về sinh, kết hôn và tử vong xảy ra trên địa bàn làng xã trong tháng trước. Một số nghị định đã quy định địa chính việc phân ranh giới đất đai làng xã và việc thành lập, cập nhật bản đồ địa chính, đòi hỏi các ông thủ bộ phải làm việc thường xuyên để cập nhật thông tin (Kresser, 1935: 64).

Dần dần, các thành viên của Hội đồng đã nhận thấy họ gặp rất nhiều hạn chế ngăn cản không cho họ được tùy ý ra quyết định. Tập trung hóa quá mức, và những can thiệp rất thường xuyên của chính quyền trung ương trong quản lý làng xã, xác minh chặt chẽ ngân sách của làng đã làm cho vai trò của các kỳ mục ngày càng giảm trong khi trách nhiệm ngày càng tăng. Bên cạnh đó, họ không được hưởng bất cứ khoản bồi dưỡng nào ngoài một vài lời khen hoặc một vài huy chương danh dự. Mặt khác, họ còn gặp nhiều rủi ro như bị phạt giam hoặc phạt tiền nếu sơ sẩy không hoàn thành

nhiệm vụ. Đặc biệt, nhiệm vụ của ba chức dịch: xã trưởng, hương thân, hương hào, được chính quyền giao trách nhiệm quản lý trực tiếp, đồng thời là trung gian giao dịch với chính quyền trung ương, rất nặng nề³.

Theo truyền thống An Nam, số lượng thành viên Hội đồng kỳ mục không phải là con số cố định mà phụ thuộc vào độ lớn và vào nhu cầu của dân làng. Ở ngôi làng có nhiều gia đình giàu có và có ảnh hưởng, mỗi gia tộc đều muốn có đại diện trong Hội đồng. Việc giảm số lượng thành viên trong Hội đồng sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt hơn.

Số lượng 11 kỳ mục không thể đảm bảo hoạt động trơn tru của bộ máy ở một số làng lớn, đôi khi có chiều dài đến 5-6 km. Trong khi ở những làng nhỏ, xa xôi thì không cần đến 11 kỳ mục. Trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc thu thuế, theo điều khoản 9 trong nghị định năm 1904, sẽ là gánh nặng quá lớn cho kỳ mục ở các làng đông dân.

Trước những vấn đề bất cập liên quan đến vai trò và trách nhiệm của các kỳ mục làng xã, chính quyền địa phương quyết định triệu tập Ủy ban nghiên cứu sửa Nghị định năm 1904. Ủy ban này được lập theo Nghị định 18/6/1925. Sau 4 phiên họp xem xét các kiến nghị của các tham biện tỉnh về việc cải cách Nghị định năm 1904, Ủy ban đã đệ trình lên Thống đốc Nam Kỳ Nghị định mới, được Toàn quyền Varenne thông qua ngày 30/10/1927.

Mặc dù có rất nhiều tranh luận xung quanh việc thay đổi thành phần, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng kỳ mục, Nghị định năm 1927 chỉ thay đổi rất ít so với Nghị định năm 1904. Cụ thể: Vị trí chánh lục bộ, người đảm nhiệm các công việc xây dựng và đường xá trong làng xã là một trong những thành viên của Hội đồng kỳ mục, thậm chí đứng trước thủ bộ. Vị trí này chịu trách nhiệm công chính, đã được chính quyền Pháp đề ra khoảng hai mươi năm trước (tức là năm 1883). Nghị định năm 1927 đưa vị trí chánh lục bộ vào Hội đồng kỳ mục, tăng số lượng thành viên Hội đồng lên thành 12. Vị trí “đại hương cả” lần đầu tiên được đưa vào trong Nghị định năm 1927 (Nghị định năm 1904 chỉ có vị trí “hương cả”).

Điều kiện để được bổ nhiệm vào vị trí hương hào được sửa đổi: vẫn phải trong độ tuổi quy định, nhưng nghĩa vụ phải thực tập ít nhất một năm ở vị trí chức dịch nhỏ được thay thế bằng biết đọc và viết (quốc ngữ). Hội đồng kỳ mục không thể bao gồm nhiều hơn ba thành viên của cùng một gia đình.

Điều 5: kỳ mục là các công chức và quân nhân đã nghỉ hưu phải duy trì thời hạn tối thiểu là hai năm làm việc ở mỗi cấp độ và không có giới hạn về thời gian tại vị. Ngoài ra, có các điều kiện để đảm nhiệm một số cấp bậc nhất định: để vào vị trí thủ bộ, cần ít nhất hai năm đã trải qua các vị trí hương thân, xã trưởng, hương hào hoặc chánh lục bộ. Không ai có thể đạt đến cấp bậc của hương sư mà không thực hiện ít nhất 5 năm một trong các vị trí thủ bộ, hương quản, hương giáo, hương chánh hoặc hương trưởng⁴

Nghị định mới về Hội đồng quản lý làng xã Nam Kỳ được phổ biến dưới dạng các tập sách nhỏ thể hiện qua bốn ngôn ngữ: Pháp, quốc ngữ, Khơ-me và chữ Hán.

5. Cải lương hương chính năm 1944

Ngày 5/1/1944, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định ngày 30/10/1927, cụ thể như sau: Bãi bỏ các điều 2, 3, 4, 5, 9 và 26 Nghị định ngày 30/10/1927 và thay thế bằng các điều khoản: Điều 2 (mới): kỳ mục được lựa chọn trong số các điền chủ, dân đình và thương nhân khá giả; người có ít nhất một bằng cao đẳng tiểu học Pháp - Việt; quan lại cấp trung và cấp cao thuộc ngạch quan lại bản xứ đã nghỉ hưu hoặc từ dịch; cựu binh (đã giải ngũ hoặc nghỉ hưu) với điều kiện phải biết đọc biết viết. Như vậy, yếu tố mới ở đây là “người có bằng cao đẳng tiểu học Pháp - Việt” được đưa vào danh mục ứng cử viên của Hội đồng kỳ mục. Điều 4 (mới):

³ Xem các hồ sơ lưu trữ Goucoch 41411, 41424, 45282, 46619, 48893 về ngân sách làng xã và sổ thu chi, theo đó, tất cả các khoản chi đều phải trình lên Tham biện tỉnh và xin phê duyệt.

⁴ Có thể tham khảo Nghị định ngày 30-10-1927 trong sách của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2017, *Cải lương hương chính qua tư liệu và tài liệu lưu trữ*, Nxb Thông tin và truyền thông, tr.194-206.

Các kỳ mục chỉ được tuyển bổ sung khi có ý kiến của quan cai trị - chủ tỉnh (Nghị định 1904 và 1927 chỉ nói rằng có thể bổ sung khi Hội đồng kỳ mục bị khuyết thiếu). Hội đồng tuyển dụng gồm các kỳ mục đương nhiệm, tất cả các cựu kỳ mục trong làng (không bị cách chức hoặc bãi nhiệm), quan lại, cựu quân nhân, lính khổ xanh giải ngũ, đã định cư trong làng được 2 năm; các thành viên hoặc cựu thành viên của Hội đồng liên bang, hội đồng cấp kỳ và cấp tỉnh cư trú trong làng. Điều 5 (mới): Hội đồng kỳ mục không được có quá 2 người là thành viên của một dòng họ trong phạm vi bốn đời (quy định trước đó là không quá 3 người) (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, 2017: 319-323).

5.1. Vai trò của Hội đồng kỳ mục (Hội tế)

Trong số 12 thành viên Hội đồng kỳ mục có một số vị trí mang tính danh dự, chủ yếu tham gia vào việc ra quyết định, phân chia các khoản lợi tức của làng. Đó là hương cả đứng đầu hội tế (giữ chức Chủ tịch); hương chủ (tương đương Phó Chủ tịch, thay thế vị trí hương cả nếu hương cả vắng mặt. Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng quản lý tài sản của làng; quản lý sổ sách, quản lý việc thu chi trong làng.

Hương chánh chỉ dẫn cho thôn trưởng hay xã trưởng, hương thân và hương hào, quản lý ba hương chức này làm việc theo đúng phận sự. Hương chánh cũng đảm nhiệm việc phân xử những việc kiện tụng thông thường của dân trong làng.

Hương giáo đảm nhiệm việc hướng dẫn, chỉ giáo các quy tắc cho các hương chức mới vào chức vụ; dạy bảo cho mọi người biết phận sự trong việc làng. Hương giáo có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn và đôi khi chỉ đạo.

Hương quản giữ vai trò tổng quản tuần phòng trong làng về việc chính trị và lễ hình, là chức bang tá cho quan biện lý, kiểm soát những tội phạm đại hình vi phạm luật lệ; tuần tra các đường trên bộ, dưới sông, đường xe lửa, cầu và đường bu điện, điện tín. Hương quản cai quản hương tuần, cai tuần, cai thị, cai thôn, trùm, trưởng, quản lý lính tuần phòng.

Hương bộ hay thủ bộ quản lý địa bộ, giấy tờ của làng; lập sổ thu chi và giữ gìn tài sản vật dụng trong làng.

Xã trưởng/thôn trưởng/ly trưởng có nhiệm vụ thay mặt cho làng trực tiếp làm việc với cấp cao hơn như cấp Tổng, cấp Tỉnh; giữ triện mộc của làng, chuyên lo việc thu và nộp thuế vào kho.

Hương hào đảm nhiệm việc tuần phòng trong làng; việc đạo lộ; việc toà án; chuyển giao giấy tờ liên quan đến xử án.

Các chức dịch khác như phó xã, biện lại, cai thôn, trùm và trưởng đều tuân thủ theo ba hương chức điều hành.

Các giấy tờ phải có chứng thực của ba hương chức gồm hương thân, xã trưởng, hương hào. Nếu hương thân và hương hào vắng mặt, hương chức khác trong hội tế chứng thực; riêng xã trưởng cầm triện phải có mặt để chứng thực cuối cùng. Chánh lục bộ hay phó lục bộ phụ tá nắm việc chấp bút về giấy sinh, tử, hôn thú trong làng.

Hương chức và dân làng chịu trách nhiệm trước quan trên những việc: 1) thu thuế; 2) bắt lính; 3) bảo vệ các đường xe lửa qua làng, đường dây thép điện báo, đê điều, cầu cống; 4) trông coi rừng và cây cối trong làng; 5) bắt rượu lậu, nha phiến lậu.

Các cơ quan chính quyền phụ trách các việc trên kết hợp với làng đảm nhiệm từng lĩnh vực, lỗi của ai bên đó phải nhận phần trách nhiệm; nếu không truy được trách nhiệm thì phải gửi lên Thống đốc hoặc Toàn quyền xét xử. Phần tiền phạt hay tiền bồi thường nếu thuộc về làng thì làng có trách nhiệm bồi hoàn. Thống đốc có trách nhiệm phân xử tỉ lệ bồi thường giữa hương chức và dân làng

Hương chức có quyền lưu giam người tại nhà hội làng với thời hạn tùy từng vụ việc và kê khai cho chính quyền. Số ngày giam phạt không được quá 3 ngày. Những trường hợp say rượu, phá rối giam phạt không quá 24 giờ.

Ngoài Bộ thuế, Hội tế còn phải quản lý Bộ điền và Địa bộ. Bộ điền là sổ dùng để thu thuế đất, có ghi mức thuế của từng loại, làng xã dựa vào đó thu thuế đất cho đủ, còn Địa bộ là bộ đăng ký

đất, chỉ ghi những thửa đất đã có giấy tờ đầy đủ, làm minh chứng cho việc sở hữu đất và chủ sở hữu của từng thửa. Thuế đất nộp vào ngày 1 tháng 9 dương lịch hàng năm.

Mỗi làng đều phải có bộ hồ sơ ghi chép về số trẻ mới sinh, người qua đời, hôn thú của người bản xứ và người châu Á ngụ cư tại làng, gọi là Bộ đời. Chánh lục bộ hoặc phó lục bộ là người phụ trách việc biên chép và quản lý những sổ Bộ đời này. Mỗi bộ sinh, tử, giá thú phải có hai sổ, trong đó ghi bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Trong mỗi tháng, vào 10 ngày đầu, phải sao lại thông tin về sinh, tử, giá thú của tháng trước để gửi cho phòng lục sự của tỉnh, mỗi bản sao có xác nhận của hai hương chức khác. Ngày cuối năm (31-12) là ngày khoá sổ. Trong tháng 1 của năm sau phải gửi sổ bộ sinh, tử, giá thú trong cả năm cho phòng lục sự. Còn một bản thì để ở nhà việc làng (Maison commune).

Mỗi làng có một cuốn sổ thu chi, trong đó có các khoản thu và các khoản chi. Các khoản thu thường từ nguồn phụ thu thuế ruộng đất, thuế ghe thuyền, lệ phí dân làng đóng góp cho những lần xác nhận giấy chứng nhận sở hữu đất, xin giấy khai sinh,... Các khoản chi chủ yếu cho trường học trong làng, chi phí đi lại cho thành viên Hội đồng kỳ mục, chi cho hoạt động tế lễ trong làng... Tất cả các khoản chi đều phải xin ý kiến và xác nhận của Tham biện tỉnh.

Rõ ràng, Hội đồng kỳ mục có vai trò đáng kể trong làng xã như xác nhận quyền sử dụng và sở hữu đất đai cho dân Việt và, trong nhiều trường hợp, cả dân Pháp để làm giấy chứng nhận sở hữu đất; xét xử và bắt giam những đối tượng gây mất trị an; có vai trò to lớn đối với chính quyền trung ương trong việc thu thuế đất, thuế thân. Tuy nhiên, Hội đồng kỳ mục lại không được hỏi ý kiến khi làng của họ bị sáp nhập với làng khác, hoặc họ phải nâng hạng đất lên để tính thuế cao hơn theo chỉ đạo của quan trên, những hiện tượng khá phổ biến ở Nam Kỳ. Trong phiên họp Hội đồng quản hạt ngày 2/9/1931, ông Bùi Quang Chiêu cay đắng nhận xét: “Có thể nói, chính quyền làng xã đã bị biến thành một công cụ nô lệ; các kỳ mục là những đầy tớ ngoan ngoãn... trong tất cả các công việc: tư pháp, hành chính, đại diện, hiến binh” (Cochinchine française, 1931: 96). Trong phiên họp Hội đồng quản hạt ngày 23/9/1931 về việc một số làng ở Sa Đéc bị sáp nhập, ông Lê Quang Liêm, tức Bảy, cho rằng ông không phản đối việc sáp nhập nhưng các kỳ mục của những làng này phải được hỏi ý kiến và tham gia vào kế hoạch này. Trên thực tế, chính quyền đã áp đặt và không cho kỳ mục làng xã được có tiếng nói, ngay cả khi làng của họ bị sáp nhập và bị xoá sổ (Cochinchine française, 1931: 401).

5.2. Lựa chọn hương chức và hương dịch

Thành viên Hội đồng kỳ mục phải đảm bảo một số tiêu chí nhất định, chẳng hạn như đạo đức, trình độ học vấn tối thiểu và thậm chí tài sản, vì Hội đồng này gánh chịu một trách nhiệm nặng nề về tiền bạc: các thành viên, tuy có quyền giám hộ và quản lý tài sản và quỹ làng, phải chịu trách nhiệm chung đối với việc thu thập các loại thuế. Vì lý do này, đảm bảo về tài sản, đặc biệt là về đất đai, là cần thiết. Những cân nhắc này đã được phản ánh trong Nghị định 1904 và 1927: “Các kỳ mục được chọn càng nhiều càng tốt trong số các chủ đất của làng xã hoặc những cư dân giàu có nhất”.

Quy định cụ thể đối với các thành viên Hội đồng kỳ mục: 1) Là những người có tài sản riêng [có chứng nhận tài sản], thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế; 2) Là những thương nhân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế; 3) Nhân viên cơ quan hành chính dân sự đã nghỉ hưu, bất kể tình hình tài chính của họ như thế nào, có uy tín và chưa bao giờ bị kỷ luật nghiêm trọng trong thời gian tại chức; 4) Cựu quân nhân đã nghỉ hưu hoặc đã xuất ngũ với một cấp bậc nhất định.

Người Việt có truyền thống lâu đời liên quan đến sự thăng tiến là để đạt được các cấp cao hơn, những người có uy tín phải bắt đầu với các chức vụ thấp và lần lượt leo lên tất cả các nấc thang của hệ thống phân cấp. Nhưng những nguyên tắc đó đã dần dần bị mất đi, đặc biệt ở làng xã Nam Kỳ, nơi có rất nhiều biến cố xảy ra. Có những thời điểm, đặc biệt khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ, các chức sắc và kỳ mục chống Pháp bị bắt bớ hoặc bỏ trốn, tạo ra tình trạng vô chính phủ trong làng xã; nhiều thành viên Hội đồng kỳ mục được chỉ định không theo quy tắc nào, thậm chí xảy ra trường hợp một cư dân được trực tiếp chỉ định làm Hương chủ mà chưa hề kinh qua vị trí nào trong làng xã. Nghị định năm 1904 và 1927 đề ra một nguyên tắc là không ai có thể giữ một thứ hạng cao

trong Hội đồng kỳ mục mà không kinh qua các vị trí thấp hơn. Vấn đề thứ bậc được nhấn mạnh trong quy định lập Hội đồng kỳ mục. Vị trí thấp nhất được coi là Hương hào. Theo phong tục, không ai có thể trở thành hương hào mà trong một năm trước đó chưa hoàn thành nhiệm vụ của một chức dịch. Bằng cách này, một kỳ mục chỉ có thể vào Hương hội sau khi thực hiện nhiệm vụ chức dịch ít nhất 12 tháng.

Nghị định 1904, 1927 có quy định về độ tuổi đối với người bắt đầu tham gia Hội đồng kỳ mục (vị trí hương hào). Độ tuổi tối thiểu được ấn định là 24 tuổi.

Điều kiện tuyển dụng cho các vị trí trong Hội đồng kỳ mục là khi có vị trí trống trong Hội đồng, có thể bổ nhiệm người phù hợp vào vị trí theo hình thức được quy định bởi phong tục. Tuy nhiên, Nghị định năm 1944 phải có sự đồng ý của chủ tỉnh mới được tuyển dụng vị trí bổ sung.

Thành viên Hội đồng kỳ mục do Chánh tổng xem xét, Tham biện tỉnh thông qua và chấp thuận. Việc lựa chọn thành viên Hội đồng kỳ mục được tiến hành theo quy trình: trong cuộc họp đầu tiên, các ứng cử viên cho các cấp bậc khác nhau sẽ được đề cử bởi tất cả các kỳ mục; việc chỉ định tạm thời (danh sách đề cử) được thực hiện trong cuộc họp thứ hai với sự hiện diện của Chánh tổng. Một báo cáo về các ứng viên và biên bản cuộc họp với chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng kỳ mục và Chánh tổng được trình lên tham biện tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp có khiếu nại hoặc bất thường, Chánh tổng xin ý kiến của Tham biện tỉnh, người có toàn quyền phê chuẩn hoặc từ chối quyết định của Hội đồng.

Trong phiên họp ngày 27/8/1926 của Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, ông Nguyễn Tấn Đước đã đề xuất phải tiến hành phổ thông đầu phiếu trong việc bầu hội đồng kỳ mục, theo đó, hội đồng kỳ mục phải được bầu chọn bởi tất cả dân làng trên 21 tuổi có đăng ký (Cochinchine française, 1926: 173-174). Tuy nhiên ý kiến của ông đã không được thông qua và không được đề cập đến trong các quy định sau này về tuyển chọn kỳ mục làng xã.

6. Kết luận

Có thể nói, quá trình cải lương hương chính ở Nam Kỳ được thực hiện sớm hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Sau khi Nghị định 27/8/1904 ban hành, việc quản lý làng xã được giao cho một bộ máy hành chính (Hội đồng kỳ mục) với những quy định rõ ràng cho từng vị trí. Hội đồng kỳ mục có 12 thành viên nhưng các công việc hành chính chủ yếu do 4 thành viên có vị trí thấp nhất trong Hội đồng đảm nhiệm. Ban đầu, thành viên của Hội đồng đều là những người giàu có, có tài sản về đất đai (trong tầng lớp địa chủ, đại địa chủ), có doanh nghiệp, hoặc những người được chính quyền Pháp coi là “có công”. Sau này, trình độ học vấn (người có bằng cấp trường Pháp hoặc Pháp - Việt) cũng là một trong những tiêu chí để lựa chọn. Chính quyền Pháp vẫn cho rằng làng xã dưới quyền quản lý của chế độ quân chủ Việt Nam đã cố tình che giấu các nguồn lực của làng như số đình, đất đai, và các tài sản khác. Để tăng nguồn thu, chính quyền thực dân đã đề ra các quy định hết sức ngặt nghèo để quản lý tài nguyên làng xã, tăng nguồn thu. Bất cứ một vi phạm nhỏ nào cũng có thể bị phạt. Những quy định này đã được cụ thể hoá cho từng vị trí trong Hội đồng kỳ mục với chế độ kiểm soát và xử phạt khá chặt chẽ. Tuy có tên gọi khá mỹ miều là Hội đồng kỳ mục (tức là Hội đồng của những bậc thượng lưu làng xã), nhưng thực chất đó là bộ máy nhằm tận thu tài nguyên trong làng, phục vụ cho chính quyền.

Bên cạnh những trách nhiệm trước chính quyền trung ương, Hội đồng kỳ mục có quyền lực lớn, đặc biệt là trong việc cấp phép quản lý đất đai, cấp phiếu thu thuế (có chức năng như căn cước). Tất cả các chứng nhận sở hữu đất đai, bao gồm cả đất của người Pháp, đều phải có xác nhận của đại diện Hội đồng kỳ mục làng xã về tính hợp pháp. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, chính quyền đã không tôn trọng vai trò của kỳ mục làng xã khi đưa ra những quyết định liên quan đến làng của họ, như sáp nhập các làng để tăng nguồn lực đất đai, thuế và tuyển dụng hội đồng kỳ mục mới. Hội đồng kỳ mục bị chính các đại biểu người Việt trong Hội đồng quản hạt Nam Kỳ coi là “công cụ”, “tay sai” “đầy tớ ngoan ngoãn” của chính quyền thực dân.

Tài liệu tham khảo

- Cochinchine française. (1903). *Proces verbaux du conseil colonial (Session ordinaire de 1903. Seance du 18 Juillet 1903)*. Saigon: Imprimerie Coloniale.
- Cochinchine française. (1926). *Proces verbaux du conseil colonial (Session ordinaire de 1926. Seance du 27 Aout 1926)*. Saigon: Imprimerie de la Dépêche.
- Cochinchine française. (1931). *Proces verbaux du conseil colonial (Session ordinaire de 1931. Seance du 2 Septembre 1931)*. Saigon: Imprimerie de la Dépêche.
- Cochinchine française. (1931). *Proces verbaux du conseil colonial (Session ordinaire de 1931. Seance du 23 Septembre 1931)*. Saigon: Imprimerie de la Dépêche.
- Dương Văn Triêm, Hồ Thị Thanh. (4/12/2022). *Cải lương hương chính ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp*. Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương. <http://www.sugia.vn/portfolio/detail/2016/cai-luong-huong-chinh-o-nam-ky-thoi-thuoc-phap.html>
- Đào Phương Chi. (2013). Bước đầu tìm hiểu về cải lương hương tục thí điểm ở Bắc Kỳ qua một số văn bản tục lệ bằng chữ Nôm. *Hán Nôm*. Số 116.
- Ernest Outrey. (1905). *Tân thư tổng lý quy điều*. Saigon: Imprimerie commerciale Menard & Rey.
- Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà. (đồng chủ biên, 2017). *Vùng đất Nam Bộ, Tập V: Từ năm 1959 đến năm 1945*. Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
- Đinh Thị Thuỳ Hiên. (2014). Văn bản hương ước cải lương (1906-1907): nhìn từ lịch sử hương ước và cải lương hương chính ở Bắc Kỳ năm 1921. *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 455.
- Hickey, Gerald. (1964). *Village in Vietnam*. New Heaven and London, Yale University Press
- Kresser (1935). *La commune annamite en Cochinchine*. These pour le Doctorat, Paris, Les Éditions domat-montchrestien.
- Ngô Văn Hoà. (1983). Tổ chức quản lý xã thôn và tổ chức cộng đồng làng xã ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc". *Nghiên cứu lịch sử*. Số 212.
- Nguyễn Thị Lệ Hà. (2019). *Chính sách cải lương hương chính ở đồng bằng Bắc Kỳ và tác động của nó đến đời sống làng xã thời Pháp thuộc (trường hợp tỉnh Hà Đông)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Phan Văn Thiết. (1944). *Quận, Tổng, Làng*. Tác giả xuất bản và giữ bản quyền.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. (2017). *Cải lương hương chính qua tư liệu và tài liệu lưu trữ*. Nxb. Thông tin và truyền thông.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Goucoch 41411- Circulaires et notes postales du Gouverneur de la Cochinchine, la Direction des Bureaux, des provinces relatives aux salaires des agents communaux, recouvrement des recettes communales, contrôle des cartes personnelles, previsions des budgets communaux*. Phòng Thống đốc Nam Kỳ. Tp. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Goucoch 41424-Dossier relatif à la reforme sur les budgets communaux et à la comptabilité communales années 1931-1944*. Phòng Thống đốc Nam Kỳ. Tp. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Goucoch 45282- Budget primitif de la province de Cantho, indemnités, solde, taxes communales, preparation et exécution des budgets ann é es 1930-1941*. Phòng Thống đốc Nam Kỳ. Tp. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Goucoch 46619-Statistiques coloniales et tableau relatif à la situation des finances communales en 1883 -1884*. Phòng Thống đốc Nam Kỳ. Tp. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Goucoch 48893-Dossier relatif aux renseignements sur les dettes communales, les công điền, công thổ et marches exploités en régie années 1925-1938*. Phòng Thống đốc Nam Kỳ. Tp. Hồ Chí Minh.
- Trương Vĩnh Ký. (1875). *Petit cours de Géographie de la Basse-Cochinchine*. 1re Edition. Saigon: Imprimerie du Gouvernement.
- Vũ Văn Quân. (chủ biên, 2017). *Vùng đất Nam Bộ, Tập VIII: Thiết chế quản lý xã hội*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.